

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)
Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa Nhà Geleximco, 36 Hoàng cầu, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : 04.6276 5555
Fax : 04.6276 5556
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hoàng Mai
Địa chỉ: P1208, Nhà CT3C- X2 Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0938.242888
Fax

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Các nội dung nêu trên được đăng tải tại trang thông tin của VNI theo đường dẫn:

<https://bhhk.com.vn/bao-cai-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Hoàng Mai

Tài liệu gửi kèm:

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
HÀNG KHÔNG**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 39

301
CÔ
T
DEL
VIỆ
G E

49
TÔN
ÔNG
AN B
IG KH
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Hà Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Quang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Thành viên
Ông Trần Sỹ Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Trọng Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hữu Ánh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Ông Phạm Đức Tự	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Ông Lê Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Ông Lê Văn Hồng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh (miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2019)
Bà Tào Thị Thanh Hoa	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ
Ông Nguyễn Đăng Lâm	Phó Tổng Giám đốc phụ trách phía Nam

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Stamp: S.G.P. 49 - C.T. C.P.B. TÔNG CÔNG TY OÔ PHÂN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG Q. DONG DA - T.P. HA NOI

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số: 0941 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, Việt Nam

Phạm Tuấn Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2019-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 01-DNPNT**Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		1.619.716.434.001	1.560.857.895.296
I. Tiền	110	4	186.805.045.359	107.917.551.189
1. Tiền	111		186.805.045.359	107.917.551.189
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	458.764.868.805	435.833.184.691
1. Đầu tư ngắn hạn	121		469.821.295.647	441.279.708.427
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(11.056.426.842)	(5.446.523.736)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		696.212.376.121	648.653.646.671
1. Phải thu khách hàng	131		381.097.773.016	362.258.046.890
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6	130.926.717.083	152.648.147.569
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	7	250.171.055.933	209.609.899.321
2. Trả trước cho người bán	132		2.704.529.265	3.446.179.215
3. Các khoản phải thu khác	135	8	381.503.536.191	320.498.597.673
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(69.093.462.351)	(37.549.177.107)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.296.386.482	20.784.592.734
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	25.563.290.727	20.430.695.900
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		24.252.197.390	19.196.393.606
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1.311.093.337	1.234.302.294
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		889.458.110	272.696.039
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	843.637.645	81.200.795
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	11	250.637.757.234	347.668.920.011
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		98.891.260.017	137.684.464.202
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		151.746.497.217	209.984.455.809
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		456.447.969.946	380.091.557.385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.751.005.196	11.266.790.174
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	11.751.005.196	11.266.790.174
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7.000.000.000	7.000.000.000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		4.751.005.196	4.266.790.174
II. Tài sản cố định	220		7.467.560.756	5.561.871.067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	6.252.938.127	5.200.348.492
Nguyên giá	222		22.107.926.594	21.908.355.283
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.854.988.467)	(16.708.006.791)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.214.622.629	361.522.575
Nguyên giá	228		2.787.259.000	1.750.350.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.572.636.371)	(1.388.827.425)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	432.483.444.063	359.108.117.329
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		231.825.681.850	55.550.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		201.135.112.624	303.935.681.850
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(477.350.411)	(377.564.521)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.745.959.931	4.154.778.815
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.745.959.931	4.154.778.815
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.076.164.403.947	1.940.949.452.681

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 01-DNPNT**Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.251.493.131.959	1.124.389.779.932
I. Nợ ngắn hạn	310		1.249.655.003.665	1.114.571.133.662
1. Phải trả cho người bán	312		166.213.350.009	164.870.126.916
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	14	159.628.331.135	163.126.255.175
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		6.585.018.874	1.743.871.741
2. Người mua trả tiền trước	313		8.305.362.176	8.772.549.146
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	9.747.897.170	8.586.116.671
4. Phải trả người lao động	315		51.601.762.735	22.978.019.498
5. Chi phí phải trả	316		-	30.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	2.759.503.871	2.538.431.276
7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	21.093.491.171	37.375.138.555
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20.702.443	344.610.336
9. Dự phòng nghiệp vụ	329	17	989.912.934.090	869.076.141.264
9.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		621.164.443.723	474.311.275.860
9.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		312.227.934.234	348.437.391.535
9.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		56.520.556.133	46.327.473.869
II. Nợ dài hạn	330		1.838.128.294	9.818.646.270
1. Phải trả dài hạn khác	333		6.000.000	6.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.832.128.294	9.812.646.270
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		824.671.271.988	816.559.672.749
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	824.671.271.988	816.559.672.749
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		800.000.000.000	800.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		11.684.211.706	11.263.840.112
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.987.060.282	5.295.832.637
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.076.164.403.947	1.940.949.452.681

CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	VND	40.539.663.701	26.246.337.447
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.902.654.577	4.902.654.577
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	625.966,00	26.303,58
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	66,00	75,02


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
 Người lập biểu


Nguyễn Hoàng Mai
 Kế toán trưởng


Trần Trọng Dũng
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	890.805.511.352	638.670.355.327
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	206.200.476.022	158.287.343.819
3. Thu nhập khác	13	1.809.882.167	722.797.457
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	887.651.633.459	632.395.587.217
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	44.819.565.771	40.450.744.695
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	157.826.475.571	119.030.378.167
7. Chi phí khác	24	107.150.584	146.092.763
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	8.411.044.156	5.657.693.761
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.612.280	83.133.091
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60	8.407.431.876	5.574.560.670

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	19	1.063.360.072.787	795.137.105.013
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1.180.213.875.466	902.616.182.842
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		29.999.365.184	35.479.111.023
- Tăng dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		146.853.167.863	142.958.188.852
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	20	229.698.198.141	228.036.083.945
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		190.904.993.956	268.415.274.214
- (Giảm)/Tăng dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	02.2		(38.793.204.185)	40.379.190.269
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		833.661.874.646	567.101.021.068
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		57.143.636.706	71.569.334.259
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		57.000.640.751	68.849.507.031
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		142.995.955	2.719.827.228
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		890.805.511.352	638.670.355.327
6. Chi bồi thường	11		460.614.505.274	307.216.847.389
- Tổng chi bồi thường	11.1		460.614.505.274	307.216.847.389
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		132.642.472.965	103.257.678.084
8. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(36.209.457.301)	125.637.269.397
9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(58.237.958.592)	86.026.218.977
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	21	350.000.533.600	243.570.219.725
11. Tăng dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	16		10.193.082.264	6.696.799.999
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	22	527.458.017.595	382.128.567.493
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		40.103.191.724	35.306.470.773
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		487.354.825.871	346.822.096.720

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	18		887.651.633.459	632.395.587.217
(18 = 15 + 16 + 17)				
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		3.153.877.893	6.274.768.110
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	206.200.476.022	158.287.343.819
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	44.819.565.771	40.450.744.695
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		161.380.910.251	117.836.599.124
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	157.826.475.571	119.030.378.167
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		6.708.312.573	5.080.989.067
20. Thu nhập khác	31		1.809.882.167	722.797.457
21. Chi phí khác	32		107.150.584	146.092.763
22. Lãi khác (40 = 31 - 32)	40		1.702.731.583	576.704.694
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.411.044.156	5.657.693.761
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.612.280	83.133.091
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		8.407.431.876	5.574.560.670

Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 03-DNPNT**Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.839.357.873.338	1.143.498.308.506
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.254.956.791.387)	(1.042.279.086.406)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(155.942.181.053)	(124.876.842.788)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(928.420.996)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(766.049.130)	(2.086.904.695)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	235.870.115.067	52.250.798.708
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(413.882.865.041)	(123.237.059.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	249.680.101.794	(97.659.207.321)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.404.248.550)	(32.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.005.000.000	283.468.859
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(461.500.000.000)	(790.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	446.009.455.898	703.875.950.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(192.239.000.000)	(35.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.763.887.376	52.930.217.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.662.412.649	78.974.507.153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(170.702.492.627)	11.031.643.012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ thấu chi	33	-	80.000.000.000
2. Tiền trả thấu chi	34	-	(159.546.608.317)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	-	(14.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(94.346.608.317)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	78.977.609.167	(180.974.172.626)
Tiền đầu năm	60	107.917.551.189	288.666.117.694
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hoán đổi quy đổi ngoại tệ	61	(90.114.997)	225.606.121
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	186.805.045.359	107.917.551.189

Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này